

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐST - DS ngày 06 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần P.**

Địa chỉ trụ sở: 41-45 L, Phường B, Quận I, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy T: Ông Đinh Văn Q và ông Lê Đình V, địa chỉ: 34-36 Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 97/GUQ-OCB ngày 01/12/2022). Ông Q có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P – Chi nhánh T – Phòng giao dịch H. Địa chỉ: 92 C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: 1. **Ông Phạm Văn T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn M, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bà Lê Hoàng Thụy V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn A, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ.

Ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh T - Phòng Giao dịch H (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V đã ký Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30/03/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0080.01/2022/PLHĐTD-OCB-CN ngày 01/04/2022. Theo Hợp đồng tín dụng này Ngân hàng đồng ý cho ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V vay số tiền là 6.100.000.000 (Sáu tỷ một trăm triệu) đồng với lãi suất được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng trên. Ngày 30/03/2022, ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V đã ký giấy nhận nợ và nhận số tiền trên tại Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là bất động sản tại địa chỉ: Thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), tái định cư T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 567334, Sổ vào sổ cấp GCN: CTs 77392, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/10/2015. Tài sản trên đã được ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V thế chấp để vay vốn Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0080.01/2022/BĐ ngày 01/04/2022. Đã được Văn phòng Công chứng Trần Văn H, thành phố Đà Nẵng chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù, ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V trả nợ nhưng ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V không đáp trả. Khoản vay này Ngân hàng chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Tạm tính đến ngày 28/7/2023, ông Phạm Văn T và bà V đã thanh toán được cho ngân hàng với tổng số tiền là 245.127.578 đồng, trong đó: Nợ gốc: 81.336.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 162.053.968 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.737.610 đồng.

Khoản vay trên đã quá hạn thanh toán 352 ngày, cụ thể quá hạn thanh toán gốc và lãi từ kỳ trả nợ ngày 10/08/2022 liên tiếp đến kỳ trả nợ 10/07/2023 với tổng 12 kỳ quá hạn gốc và lãi. Nợ gốc: 6.018.664.000 đồng. Nợ lãi trong hạn là

859.494.506 đồng. Nợ lãi quá hạn là 60.211.929 đồng. Tổng cộng là 6.938.370.435 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V phải trả ngay toàn bộ nợ vay với tổng số tiền 6.938.370.435 đồng tạm tính đến ngày 28/7/2023. Ngoài ra, ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền lãi phát sinh theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30/03/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0080.01/2022/PLHĐTD-OCB-CN ngày 01/04/2022 kể từ ngày 29/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Lê Hoàng Thụy V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP P đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản là thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), tái định cư T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 567334, Sổ vào sổ cấp GCN: CTs 77392, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/10/2015 mà Ông Phạm Văn T và Bà Lê Hoàng Thụy V đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng thế chấp số 0080.01/2022/BĐ ngày 01/04/2022 để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận H áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30/3/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0080.01/2022/PLHĐTD-OCB-CN ngày 01/04/2022 được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng TMCP P, Chi nhánh T có địa chỉ tại phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30 tháng 3 năm 2022:

Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN giữa Ngân hàng TMCP P và ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc yêu cầu ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0080/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30 tháng 3 năm 2022 thì thấy:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP P cho ông Phạm Văn T, bà V vay số tiền 6.100.000.000 đồng. Thời hạn vay là 300 tháng. Lãi suất thỏa thuận theo khế ước nhận nợ. Mục đích vay mua bất động sản. Phương thức vay: Cho vay từng lần. Tổng số tiền Ngân hàng TMCP P đã giải ngân theo khế ước nhận nợ số 0080.01/2022/KUNN-OCB-CN ngày 30/3/2022 là 6.100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/3/2047. Lãi suất trong hạn 9,49%/năm cho 24 tháng đầu. Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 30/3/2024. Lãi suất quá hạn là 150%/năm, định kỳ trả nợ gốc và lãi hàng tháng 01 lần vào ngày 10 của tháng bắt đầu từ ngày 10/4/2022. Số tiền trả gốc hàng tháng là 20.334.000 đồng,

Tuy nhiên kể từ ngày 10/8/2022 ông Phạm Văn T, bà V không thanh toán theo đúng thỏa thuận tại khế ước nhận nợ. Như vậy, ông Phạm Văn T, bà V đã vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng và khoản 9, 10 Điều 1 của Khế ước nhận nợ. Đến nay toàn bộ khoản nợ trên đã quá hạn. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền tính đến ngày 28.7.2023 là 6.938.370.435 đồng trong đó nợ gốc: 6.018.664.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 859.494.506 đồng, nợ lãi quá hạn là 60.211.929 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 29.7.2023 cho đến khi bị đơn thanh toán hết số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả của việc vắng mặt.

[3.4]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP P thì thấy:

Để bảo đảm cho ông Phạm Văn T, bà V vay vốn tại Ngân hàng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0080.01/2022/BĐ ngày 01/4/2022, ông Phạm Văn T, bà V đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA567334 thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), diện tích: 224,7m², địa chỉ thửa đất: tái định cư T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3.5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 4 năm 2022 thể hiện: Hiện trạng tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với hiện trạng tại thời điểm thế chấp. Do đó, căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP P trong trường hợp ông Phạm Văn T, bà V không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP P.

[4.2] . Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 117, 299, 320, 322, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP P đối với ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V.

Xử :

1. Buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28.7.2023 là 6.938.370.435 (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm ba mươi lăm) đồng trong đó nợ gốc: 6.018.664.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 859.494.506 đồng, nợ lãi quá hạn là 60.211.929 đồng. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 29.7.2023 theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA567334, thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), diện tích: 224,7m², địa chỉ thửa đất: tái định cư T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị B đã được chỉnh lý biến động sang tên ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V vào ngày 31.3.2022.

Trường hợp khoản nợ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), diện tích: 224,7m², địa chỉ thửa đất: tái định cư T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng được thanh toán xong thì Ngân hàng TMCP P phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA567334 cho Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 114.938.370 (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V phải chịu.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 67.487.815 (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm mười lăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số 7204 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 (Ba triệu) đồng Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

